

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 253 CCM, Phường C, Quận M, TP. H

Ông Văn Thái B2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 262/1 TTT, Phường B1, Quận B, TP. H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân Quận B đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 xác nhận có 02 (hai) người con chung tên Văn Thị Thanh T1, sinh ngày 21/10/2002 (đã trưởng thành) và trẻ Văn Lê Trúc L sinh ngày 28/05/2007. Hai bên đương sự thỏa thuận giao con chung là trẻ Văn Lê Trúc L cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông B2 cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 xác nhận không có.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị Thanh T tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 102, Quyển số 01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường B1, Quận B, Thành phố H cấp ngày 25/12/2006*).

- Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 xác nhận có 02 (hai) con chung tên Văn Thị Thanh T1, sinh ngày 21/10/2002 (đã trưởng thành) và Văn Lê Trúc L sinh ngày 28/05/2007. Hai bên đương sự thỏa thuận giao con chung là trẻ Văn Lê Trúc L cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông B2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông B2 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Lê Thị Thanh T và ông Văn Thái B2 xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Lê Thị Thanh T tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai BLTU/23P số 0006994 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án TP. H;
- Chi cục THADS Quận B;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh